

Số: /QĐ-UBND

Sông Công, ngày tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND thành phố Sông Công việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 548/TTr-QLĐT ngày 05/11/2024,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công như sau:

**1. Tên đồ án:** Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công.

**2. Địa điểm quy hoạch:** Khu vực điều chỉnh cục bộ nằm trong đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công.

**3. Ranh giới lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:** Điều chỉnh cục bộ tại 02 khu vực, trong đó:

- Khu vực điều chỉnh 01: Thuộc các lô đất công cộng đơn vị ở (ký hiệu CO-03), đất cây xanh (ký hiệu CX-06), đất nhóm ở quy hoạch (ký hiệu ON-06, ON-07), đất nhóm ở hiện trạng (OHT-08, OHT-29, OHT-30, OHT-31, OHT-32), đất bãi đỗ xe (ký hiệu BDX-05), đất hành lang đường điện (ký hiệu HLD-10, HLD-16, HLD-17, HLD-18).

- Khu vực điều chỉnh 02: Thuộc các lô đất nhóm ở hiện trạng (ký hiệu OHT-14), đất cơ quan (ký hiệu CQ-01).

#### 4. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch

##### a) Khu vực điều chỉnh 01

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh lại ranh giới, diện tích đất nhóm nhà ở quy hoạch (ký hiệu: ON-07, ON-06) và đất nhóm nhà ở hiện hữu (ký hiệu: OHT-29, OHT-30, OHT-31, OHT-32), đất bãi đỗ xe (ký hiệu: BDX-05), đất công cộng đơn vị ở (ký hiệu: CO-03).

- Lý do điều chỉnh: Để phù hợp với thực tế sử dụng đất và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tổ dân phố 9, phường Mỏ Chè đã được phê duyệt.

##### b) Khu vực điều chỉnh 02

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh giảm diện tích đất nhóm nhà ở hiện hữu (ký hiệu: OHT-14) thành đất Cơ quan.

- Lý do điều chỉnh: Bổ sung quỹ đất để xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy quân sự phường.

#### 5. Quy hoạch sử dụng đất trước và sau điều chỉnh

STT	Loại đất	Theo Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 20/10/2021		Theo điều chỉnh cục bộ		Tăng-giảm
		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	
<b>I</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>1.351.858</b>	<b>83,32</b>	<b>1.351.416</b>	<b>83,29</b>	<b>-442</b>
1	Đất ở	822.228	50,67	821.500	50,63	-728
1.1	Đất nhóm nhà ở hiện hữu	730.335	45,01	728.645	44,91	-1.690
1.2	Đất nhóm nhà ở quy hoạch	91.893	5,66	92.855	5,72	+962
2	Đất công cộng	62.393	3,85	62.907	3,88	+514
2.1	Đất công cộng đô thị	51.907	3,20	51.907	3,20	0
2.2	Đất công cộng ĐVO	10.486	0,65	11.000	0,68	+514
3	Đất trường học	39.312	2,42	39.312	2,42	0
4	Đất cây xanh	116.599	7,19	116.599	7,19	0
4.1	Đất cây xanh cảnh quan	90.023	5,55	90.023	5,55	0
4.2	Đất cây xanh TDTT	26.576	1,64	26.576	1,64	0
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	311.326	19,19	311.098	19,17	-228

5.1	Đất bãi đỗ xe	13.954	0,86	13.739	0,85	-215
5.2	Đất công trình đầu mối HTKT	2.197	0,14	2.197	0,14	0
5.3	Đất giao thông	295.175	18,19	295.162	18,19	-13
<b>II</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>270.708</b>	<b>16,68</b>	<b>271.150</b>	<b>16,71</b>	<b>+442</b>
1	Đất công nghiệp	211.533	13,04	211.533	13,04	0
2	Đất cơ quan	19.475	1,20	19.917	1,23	+442
3	Đất y tế	1.425	0,09	1.425	0,09	0
4	Mặt nước	38.275	2,36	38.275	2,36	0
	<b>Tổng</b>	<b>1.622.566</b>	<b>100,00</b>	<b>1.622.566</b>	<b>100,00</b>	

**6. Các nội dung khác của đồ án:** Giữ nguyên theo Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND thành phố Sông Công việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công.

**Điều 2.** Phòng Quản lý đô thị phối hợp với UBND phường Mỏ Chè tổ chức công bố quy hoạch, phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Tổ chức quản lý việc thực hiện dự án thành phần theo đồ án quy hoạch được duyệt và theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND phường Mỏ Chè và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (T/h);
  - Thường trực Thành ủy;
  - Chủ tịch, các PCT UBND TP;
  - Trung tâm phát triển quỹ đất;
  - Trang thông tin điện tử thành phố;
  - Lưu: VT, QLĐT. 08b.
- Linhđtc.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Duy Nghĩa**